

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN XÂY LẮP ĐIỆN PHÚ MỸ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN TƯ VẤN  
XÂY LẮP ĐIỆN PHÚ MỸ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3502294260

**3. Ngày thành lập:** 30/11/2015

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Khu phố Vạn Hạnh, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu,  
Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                            | Mã ngành                                                     |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 1.  | Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển                                                                                                                                                                       | 2651                                                         |
| 2.  | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                       | 2511                                                         |
| 3.  | Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại                                                                                                                                                                           | 2512                                                         |
| 4.  | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                     | 2591                                                         |
| 5.  | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                         | 2592                                                         |
| 6.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn sắt, thép;                                                                                                                                                                 | 4662                                                         |
| 7.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                                                                               | 3311                                                         |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị<br>Chi tiết: Sửa chữa , bảo dưỡng máy móc, thiết bị                                                                                                                                                       | 3312                                                         |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                                                                               | 3313                                                         |
| 10. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                                                                               | 3314                                                         |
| 11. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                              | 3320                                                         |
| 12. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                    | 3600                                                         |
| 13. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                        | 3700                                                         |
| 14. | Xây dựng nhà các loại                                                                                                                                                                                                                | 4100                                                         |
| 15. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ<br>Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;                                                                                                                                                 | 4210                                                         |
| 16. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác<br>Chi tiết: Xây dựng công trình điện đến 35KV;                                                                                                                                           | 4290                                                         |
| 17. | Phá dỡ                                                                                                                                                                                                                               | 4311                                                         |
| 18. | Chuẩn bị mặt bằng<br>Chi tiết: Dọn dẹp, tạo mặt bằng xây dựng (san lấp mặt bằng);                                                                                                                                                    | 4312                                                         |
| 19. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                | 4321(Chính)                                                  |
| 20. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                      | 4322                                                         |
| 21. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;                                                                                                                                       | 4649                                                         |
| 22. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện);                                           | 4659                                                         |
| 23. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: Vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ ô tô chuyên dụng);                                                                                                                                       | 4933                                                         |
| 24. | Đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định.<br>Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 10.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: HỨA THÀNH LUÂN

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/11/1991 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273346287

Ngày cấp: 11/05/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu phố Vạn Hạnh, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu phố Vạn Hạnh, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: HỨA THÀNH LUÂN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Ngày sinh: 02/11/1991

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 273346287

Ngày cấp: 11/05/2006

Nơi cấp: Công an tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Khu phố Vạn Hạnh, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại:

Khu phố Vạn Hạnh, Thị trấn Phú Mỹ, Huyện Tân Thành, Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam

## 9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu